

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Duy và ông Nguyễn Đình Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2024/TLST – HNGĐ ngày 22/11/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – HN ngày 09/01/2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 2001; nơi thường trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện nay: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; (có mặt).

* **Bị đơn:** Anh Hà Văn T, sinh năm 1999; nơi thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày:

* **Về hôn nhân:** Chị và anh Hà Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T tính gia trưởng; trong sinh hoạt, trong làm kinh tế, trong quan hệ về đảng nội đảng ngoại đều bắt chị phải theo ý của

anh T; bên cạnh đó anh T cũng không cùng chị chăm lo con cái. Khi chị thấy không hợp lý mà góp ý thì chỉ cần chị nói lên ý kiến là anh mắng chửi và đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào một ngày đầu tháng 11/2024, hôm đó chị đi gọi đầu quên không nói với anh T, về muộn thì anh T khóa cửa không cho vào, chị gọi mãi anh T mới mở cửa cho chị vào nhưng vào là mắng chửi đánh chị nên sáng hôm chị mang con về nhà bố mẹ đẻ ở. Buổi chiều hôm đó bố mẹ anh T và anh T có đến nhà bố mẹ chị nói chuyện với bố mẹ chị và chị với mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị cảm thấy không thể sống cùng anh T nên trả lời với cả bố mẹ hai bên là chị không còn muốn chung sống cùng anh T, chị quyết định ly hôn. Sau đó anh T còn một vài lần nhắn tin xin lỗi và mong muốn chị quay lại nhưng chị nhận thấy chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị không quay về. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống.

* **Về con chung:** Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Đức N, sinh ngày 18/11/2020 và cháu Hà Như Ng, sinh ngày 01/01/2023; hiện nay cháu N đang ở với anh T, cháu Ng đang ở với chị; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Ng cho chị nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị xác định: Chị đã có thai cháu N với anh T trước khi đăng ký kết hôn và cháu Hà Đức N là con chung của vợ chồng.

Hiện tại chị làm nghề buôn bán tự do, thu nhập khoản 8.000.000đồng/tháng; chị và anh T không ai có con riêng, vợ chồng không có con nuôi và hiện tại chị không có thai.

* **Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Hà Văn T trình bày:

* **Về hôn nhân:** Anh và chị Trần Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới anh chị được tự nguyện tìm hiểu.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong lúc thuê nhà làm thuê ở thành phố Hà Nội thì vợ chồng có bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, không ai chịu nhường ai nên đã xảy ra to tiếng, cãi chửi, đánh nhau. Đến khoảng cuối tháng 10/2024 thì chị H có những biểu hiện có quan hệ không đúng mực với người khác như thỉnh thoảng chị H đi ra ngoài vào buổi trưa ở công ty hoặc buổi tối cho con ra ngoài chơi hoặc có lần anh bắt gặp chị H đi cùng với một nam đồng nghiệp. Anh có hỏi nhưng chị H không giải thích rõ ràng nên anh có giận không nói chuyện với chị H. Đến chiều tối ngày 07/8/2024 khi chị H cho con ra ngoài chơi, khi về thì thấy anh không nói chuyện thì chị H có nói “*Vợ chồng không ở được với nhau thì ly hôn*”; anh nói lại

thì hai người cãi nhau; anh có tát chị H một cái. Hôm sau chị H mang con về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh và bố mẹ anh có đến nhà bố mẹ chị H để nói chuyện đón chị H về chung sống nhưng chị H không về. Sau đó anh có nhắn tin xin lỗi để chị H về chung sống nhưng chị H không về. Nay chị H kiện ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

* **Về con chung:** Anh và chị H có 02 con chung là cháu Hà Đức N, sinh ngày 18/11/2020 và cháu Hà Như Ng, sinh ngày 01/01/2023; hiện nay cháu N đang ở với anh, cháu Ng đang ở với chị H; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Ng cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh xác định: Chị H đã có thai cháu Nam với anh trước khi đăng ký kết hôn và cháu Hà Đức N là con chung của vợ chồng.

Hiện tại anh làm nghề buôn bán tự do, thu nhập khoản 9.000.000đồng/tháng; anh và chị H không ai có con riêng, vợ chồng không có con nuôi và hiện tại chị H không có thai.

* **Về tài sản riêng, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy theo tiêu chuẩn), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này.

[3] Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị đề nghị được ly hôn anh T. Về con chung, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ng và để anh T nuôi dưỡng cháu N; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các vấn đề về tài sản và trợ cấp khó khăn sau ly hôn chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 28, Điều 35, điểm Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Hà Văn T.

- Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Trần Thị H và anh Hà Văn T: Giao cháu Hà Như Ng, sinh ngày 01/01/2023 cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu Hà Đức N, sinh ngày 18/11/2020 cho anh T nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; bị đơn – anh Hà Văn T có nơi thường trú và cư trú tại thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Hà Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hà Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn.

Xét thấy; nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh T bắt nguồn từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong quan hệ xã hội nhưng hai người không chia sẻ để cùng nhau thấu hiểu dẫn đến quan điểm hai người ngày càng khác nhau, mâu thuẫn vợ chồng âm ỉ, kéo dài và ngày càng trầm trọng. Đến tháng 10/2024 khi chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn to tiếng với nhau, anh T đã đánh chị H dẫn đến việc chị H mang con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ ở, không chung sống cùng anh T. Mặc dù anh T và gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng chị H vẫn không quay về đoàn tụ với anh T.

Sau khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện ly hôn của chị H cũng đã tiến hành 02 phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn, còn anh T cũng xác định đã làm tất cả những gì có thể nhưng cũng không níu kéo được chị H, hiện anh không biết làm cách nào để chị H có thể quay về chung sống.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H luôn có quan điểm mong muốn được ly hôn anh T. Mặc dù anh T mong muốn cả hai về đoàn tụ nhưng sau khi Tòa án mở các phiên hòa giải lần 1, lần 2 thì anh T cũng không có động thái, biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng và lần hòa giải nào hai vợ chồng cũng cãi nhau. Xét trên thực tế mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh T

xảy ra từ năm 2022; đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 10/2024 đến nay nhưng cả hai cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy khả năng chị H, anh T đoàn tụ là không còn do vậy chấp nhận đề nghị của chị H; xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Hà Văn T có 02 con chung là cháu Hà Đức N, sinh ngày 18/11/2020 và cháu Hà Như Ng, sinh ngày 01/01/2023; hiện nay cháu N đang ở với anh T, cháu Ng đang ở với chị H; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn anh chị đề nghị Tòa án giao cháu Ng cho H nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc anh chị thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con chung khi ly hôn như trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh chị; giao cháu Ng cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh T xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Hà Văn T.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị H và anh Hà Văn T: Giao cháu Hà Như Ng, sinh ngày 01/01/2023 cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu Hà Đức N, sinh ngày 18/11/2020 cho anh T nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi

con chung cho nhau.

Chị H, anh T và các thành viên trong gia đình chị H, anh T không được cản trở anh chị trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu Ng.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000630 ngày 22/11/2024 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (*Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)